

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định chính sách ưu đãi, mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Long An (giai đoạn 2016 – 2020)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Nghị quyết số 259/2016/NQ-HĐND ngày 26/4/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách ưu đãi, mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Long An (giai đoạn 2016 – 2020);

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1931/TTr-SNN ngày 23/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định chính sách ưu đãi, mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Long An (giai đoạn 2016 – 2020).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký. Quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định này được áp dụng thực hiện kể từ ngày **01/5/2016**.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
 - Bộ NN và PTNT;
 - Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
 - TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
 - TT.UBMTTQVN tỉnh;
 - Các Đoàn thể tỉnh;
 - CT, các PCT.UBND tỉnh;
 - Công thông tin điện tử tỉnh;
 - Phòng KT1 + TH;
 - Lưu: VT, SNN, An.
- QD-CHINH SACH CANH DONG LON

**TM ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Cần

QUY ĐỊNH

Chính sách ưu đãi, mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Long An (giai đoạn 2016 – 2020)
(Kèm theo Quyết định số 34 /2016/QĐ-UBND ngày 07 / 7 /2016 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách ưu đãi, mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản của **4 loại cây trồng là lúa, rau các loại, thanh long và chanh** thuộc các dự án hoặc phương án cánh đồng lớn được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân, chủ trang trại đang sản xuất nông nghiệp tham gia liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn (gọi chung là nông dân).
2. Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã (gọi chung là tổ chức đại diện của nông dân) tham gia liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.
3. Doanh nghiệp trong nước thực hiện liên kết với nông dân, tổ chức đại diện của nông dân thông qua việc thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ, vật tư đầu vào cho sản xuất và tiêu thụ nông sản cho nông dân hoặc tổ chức đại diện hộ nông dân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cánh đồng lớn: Là cách thức tổ chức sản xuất trên cơ sở hợp tác, liên kết giữa người nông dân với doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân trong sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản trên cùng địa bàn, có quy mô diện tích ruộng đất lớn, với mục đích tạo ra sản lượng nông sản hàng hóa tập trung, chất lượng cao, tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân và các đối tác tham gia.
2. Các hình thức hợp tác, liên kết trong Quy định này bao gồm: Hợp tác liên kết giữa nông dân, các tổ chức đại diện của nông dân, doanh nghiệp với nhau được thực hiện bằng các hợp đồng cung cấp dịch vụ đầu vào gắn sản xuất, tiêu thụ và chế biến nông sản thuộc các dự án, phương án cánh đồng lớn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Dự án hoặc phương án xây dựng cánh đồng lớn là dự án hoặc phương án phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn do doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện nông dân lập và được cấp thẩm quyền phê duyệt.

4. Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản là hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn (sau đây gọi là hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản) được ký kết giữa doanh nghiệp với tổ chức đại diện của nông dân hoặc nông dân; giữa tổ chức đại diện của nông dân với nông dân.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ

1. Hỗ trợ cho các dự án, phương án cánh đồng lớn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được hỗ trợ trùng lặp trên cùng đối tượng, diện tích, nội dung được quy định chỉ hưởng một lần đối với chính sách có liên quan.

3. Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, MỨC HỖ TRỢ

Điều 5. Hỗ trợ đối với doanh nghiệp

1. Điều kiện: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn (Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg).

2. Chính sách ưu đãi, mức hỗ trợ:

a) Về chính sách ưu đãi: Doanh nghiệp được hưởng theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 4, Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg

b) Về mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ tối đa không quá 30% (nhưng không quá 2 tỷ đồng) kinh phí thực hiện quy hoạch, cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp trong dự án, phương án cánh đồng lớn.

- Hỗ trợ 50% kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng, bao gồm chi phí về tài liệu, ăn, ở, đi lại, thuê hội trường, thù lao giảng viên (nếu có). Mức hỗ trợ các nội dung trên áp dụng theo định mức chi hoạt động khuyến nông do tỉnh Long An quy định.

Điều 6. Hỗ trợ đối với tổ chức đại diện của nông dân

1. Điều kiện: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg.

2. Chính sách ưu đãi, mức hỗ trợ:

a) Về chính sách ưu đãi:

Tổ chức đại diện của nông dân được hưởng theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 5, Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg.

b) Về mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ trong năm đầu và năm thứ 2 chi phí thuốc bảo vệ thực vật (trong danh mục được phép sử dụng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành), công lao động, thuê máy để thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật chung cho các thành viên. Mức hỗ trợ cụ thể:

Loại cây trồng	Năm đầu (đồng/ha)	Năm thứ 2 (đồng/ha)
1. Cây lúa	800.000	500.000
2. Rau các loại	1.000.000	600.000
3. Cây thanh long	2.000.000	1.300.000
4. Cây chanh	2.000.000	1.300.000

- Hỗ trợ một lần tối đa 50% kinh phí tập huấn cho cán bộ Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã về quản lý hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất; bao gồm chi phí về tài liệu, ăn, ở, học phí theo định mức của cơ sở đào tạo, nhưng không vượt quá quy định tại Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển Hợp tác xã giai đoạn 2015-2020.

- Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng; bao gồm chi phí về tài liệu, ăn, ở, đi lại, thuê hội trường, thù lao giảng viên (nếu có). Mức hỗ trợ các nội dung trên áp dụng theo định mức chi hoạt động khuyến nông do tỉnh Long An quy định.

Riêng chi phí tham quan: Tùy theo yêu cầu của khóa tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật có tổ chức tham quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong chương trình tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức đại diện của nông dân được chi trả tiền thuê xe và các chi phí liên hệ để tổ chức tham quan cho nông dân sản xuất theo hợp đồng, nhưng không quá 3 triệu đồng/chuyến tham quan.

Điều 7. Hỗ trợ đối với nông dân

1. Điều kiện hưởng hỗ trợ

Hộ nông dân cam kết thực hiện sản xuất và bán nông sản theo đúng hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ, xây dựng cánh đồng lớn đã ký và được UBND xã xác nhận.

2. Chính sách ưu đãi, mức hỗ trợ

a) Về chính sách ưu đãi:

- Được tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật về sản xuất và thông tin thị trường miễn phí liên quan đến các loại sản phẩm tham gia cánh đồng lớn.

b) Về mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ một lần chi phí mua giống cây trồng, đối với lúa (giống xác nhận), rau các loại, cây thanh long, cây chanh có phẩm cấp chất lượng để gieo trồng vụ đầu tiên trong dự án hoặc phương án cánh đồng lớn. Mức hỗ trợ cụ thể:

Loại cây trồng	Mức hỗ trợ/ha (đồng/ha)
1. Cây lúa	540.000
2. Rau các loại	800.000
3. Cây thanh long	1.560.000
4. Cây chanh	3.000.000

- Được hỗ trợ 100% kinh phí lưu kho tại doanh nghiệp, thời hạn tối đa là 03 tháng trong trường hợp Chính phủ thực hiện chủ trương tạm trữ nông sản.

Chương III

NGUỒN KINH PHÍ, LẬP DỰ TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Điều 8. Nguồn kinh phí

1. Nguồn Trung ương hỗ trợ cho địa phương thông qua các chương trình, dự án trực tiếp và lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan.
2. Ngân sách địa phương: Chi từ nguồn sự nghiệp kinh tế.
3. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 9. Quy định về lập phương án hỗ trợ kinh phí

Khi xây dựng dự án hoặc phương án cánh đồng lớn, doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện hộ nông dân lập phương án đề nghị hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện quy hoạch, cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp; kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất theo hợp đồng, hỗ trợ thuốc bảo vệ thực vật chung cho các thành viên; kinh phí tập huấn cán bộ Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất; kinh phí hỗ trợ nông dân mua giống cây trồng để gieo trồng vụ đầu tiên gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh và UBND cấp huyện có liên quan thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở hỗ trợ kinh phí.

Điều 10. Xây dựng kế hoạch và dự toán

Hàng năm, căn cứ nội dung, mức hỗ trợ quy định tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ và chính sách ưu đãi, mức hỗ trợ tại Quy định này, UBND cấp huyện, các doanh nghiệp, tổ chức đại diện hộ nông dân xây dựng kế hoạch và dự toán như sau:

1. Căn cứ vào phương án hoặc dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân lập kế hoạch triển khai và dự toán chi tiết gửi UBND cấp huyện tổng hợp.

2. UBND cấp huyện tổng hợp kinh phí thực hiện chính sách trên địa bàn huyện (kèm theo tài liệu thuyết minh cụ thể về địa điểm, quy mô, đối tượng, đơn vị thực hiện...) gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 30/7 hàng năm.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, tổng hợp kế hoạch khối lượng và dự trù kinh phí thực hiện chính sách trên địa bàn toàn tỉnh, gửi Sở Tài chính trước ngày 30/8 hàng năm.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương, đơn vị liên quan rà soát, cân đối nguồn kinh phí thực hiện chính sách trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 11. Quyết toán kinh phí hỗ trợ

Việc chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ngành tỉnh, địa phương

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy định này đến các địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức đại diện của nông dân và nông dân.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch cánh đồng lớn và trình UBND tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, các đơn vị liên quan xem xét, chấp thuận hoặc không chấp thuận chủ trương xây dựng phương án của doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân đề nghị; tiếp nhận, tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt phương án hoặc dự án cánh đồng lớn của doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân.

d) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân và nông dân tham gia cánh đồng lớn.

đ) Chủ trì, phối hợp với địa phương, các cơ quan liên quan hướng dẫn, tư vấn pháp lý cho nông dân, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy trình, thủ tục ký kết hợp đồng, thanh lý hợp đồng hoặc giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

e) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh xử lý các tranh chấp, vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng giữa các bên liên kết; kiến nghị cấp có thẩm quyền thu hồi các khoản hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với các bên vi phạm hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản.

g) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan, các địa phương thực hiện tốt chủ trương khuyến khích đồn điền, đổi thửa; hướng dẫn, tư vấn cho các bên tham gia liên kết thực hiện phương án.

h) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện phương án; báo cáo kết quả theo quy định 06 tháng, năm cho UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT. Hàng năm, tổ chức sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập và ưu tiên phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện chính sách theo Quy định này; tham mưu UBND tỉnh quyết định giao dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị thực hiện;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Quy định này. Việc chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

c) Chủ trì, phối hợp Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ban Chỉ đạo xây dựng cánh đồng lớn tỉnh và các đơn vị liên quan hướng dẫn, xử lý kịp thời các vướng mắc trong việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh. Thực hiện giám sát việc thực hiện, sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ xây dựng cánh đồng lớn.

3. Các sở, ngành có liên quan

a) **Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Phối hợp với Sở Tài chính bố trí ngân sách hỗ trợ hàng năm thực hiện cánh đồng lớn trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Sở Công Thương:

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức đại diện nông dân xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm từ các dự án, phương án cánh đồng lớn.

- Phối hợp triển khai chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn đến các doanh nghiệp chế biến, kinh doanh, xuất khẩu nông sản trên địa bàn tỉnh.

c) Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Long An, Liên minh Hợp tác xã tỉnh:

Tham gia phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương thực hiện các hoạt động thông tin tuyên truyền, hướng dẫn tư vấn pháp luật và hỗ trợ nông dân hợp tác, liên kết sản xuất với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác, bảo vệ lợi ích của nông dân trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

d) Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Long An chỉ đạo các ngân hàng thương mại trong hệ thống Ngân hàng nhà nước, tổ chức tín dụng trên địa bàn đẩy mạnh cho vay vốn hỗ trợ lãi suất theo quy định hiện hành, thực hiện tốt chủ trương xây dựng cánh đồng lớn.

4. UBND cấp huyện

a) Chỉ đạo triển khai, thực hiện Quy định này trên địa bàn quản lý.

b) Căn cứ dự án, phương án cánh đồng lớn được cấp thẩm quyền phê duyệt, hàng năm, xây dựng kế hoạch kinh phí ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện nông dân, nông dân tham gia xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn quản lý và triển khai thực hiện khi được UBND tỉnh phê duyệt.

c) Chỉ đạo UBND cấp xã căn cứ vào hợp đồng và biên bản nghiệm thu hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản ký giữa doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân với nông dân trong khuôn khổ dự án hoặc phương án cánh đồng lớn thực hiện trên địa bàn xã xác nhận việc thực hiện hợp đồng của nông dân để làm căn cứ cho việc xem xét nông dân được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo dự án hoặc phương án cánh đồng lớn.

d) Căn cứ vào xác nhận thực hiện hợp đồng, thực hiện việc ưu đãi, hỗ trợ cho hộ nông dân theo quy định tại khoản 2, Điều 7 Quy định này.

đ) Hàng năm bố trí từ các nguồn kinh phí được quy định tại Điều 8 của Quy định này được phân cấp cho huyện để hỗ trợ xây dựng dự án hoặc phương án cánh đồng lớn thực hiện trên địa bàn quản lý.

e) Định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí hỗ trợ gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Phát triển nông thôn) trước ngày 30/7 hàng năm để tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt.

g) Đề nghị các tổ chức đoàn thể chính trị phối kết hợp vận động các thành viên, hội viên của mình tích cực tham gia xây dựng cánh đồng lớn.

5. UBND cấp xã

UBND cấp xã căn cứ vào hợp đồng và biên bản nghiệm thu hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản ký giữa doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân với nông dân trong khuôn khổ các dự án hoặc phương án cánh đồng lớn thực hiện trên địa bàn xã, xác nhận việc thực hiện hợp đồng của nông dân để làm căn cứ cho việc xem xét nông dân được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg.

Điều 13. Xử lý vi phạm hợp đồng

1. Các bên tham gia liên kết vi phạm hợp đồng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Doanh nghiệp, hộ nông dân, tổ chức đại diện của nông dân đã nhận hỗ trợ theo quy định nhưng vi phạm hợp đồng liên kết đã ký với đối tác mà không có lý do chính đáng sẽ bị thu hồi các khoản hỗ trợ trong năm vi phạm và không được xét hỗ trợ ở năm tiếp theo.

Điều 14. Việc sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan có văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Cần